

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2025

V/v “Ly hôn giữa chị Uyên và anh Tuấn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quốc Huy

Ông Trương Thọ Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Khánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thảo U, sinh ngày 15/3/1991.

CCCD số 058191001182 cấp ngày 19/4/2021.

Địa chỉ: Số nhà H đường L, thôn A, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Anh Hồ Minh T, sinh ngày 10/11/1995.

CCCD số 058095000400 cấp ngày 07/4/2021.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ nơi làm việc: Ban Q đầu nguồn liên hồ S - Sông T.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn – chị Trần Thị Thảo U trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồ Minh T tiến đến hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2023, tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã N, tỉnh Khánh Hòa). Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn vì anh T không có trách nhiệm với gia đình, không tôn trọng vợ và gia đình vợ, hai người không còn sống chung từ tháng 3/2024, khi chị có thai và không liên lạc từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị giải quyết cho ly hôn với anh T.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Hồ Thảo Ngọc T1, sinh ngày 05/9/2024. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/ tháng đến khi cháu T1 thành niên.

- Về tài sản chung, số nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Hồ Minh T vắng mặt:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T theo đúng quy định nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân của chị U và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, nay chị U xin giải quyết cho ly hôn với anh T, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị U, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị U được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Giao con chung là Hồ Thảo Ngọc T1, sinh ngày 05/9/2024 cho chị U nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung từ 1.200.000 đồng đến 1.500.000 đồng.

- Về án phí: Chị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Trần Thị Thảo U khởi kiện, yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh Hồ Minh T và giải quyết vấn đề con chung, cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn – anh Hồ Minh T có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn T, xã L, tỉnh Khánh Hòa). Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Khánh Hòa).

[1.3] Xử lý về sự vắng mặt của đương sự:

Anh Hồ Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Thảo U và anh Hồ Minh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã N, tỉnh Khánh Hòa), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, ngày 17/4/2023. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa chị U và anh T là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, chị U trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vì anh T không có trách nhiệm với gia đình, hai người hiện không còn sống chung, không còn liên lạc, không còn quan tâm nhau, mâu thuẫn trầm trọng nên chị đề nghị giải quyết cho ly hôn với anh T.

Quá trình giải quyết, anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để thông báo cho anh đến Tòa giải quyết nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến trình bày. Điều này chứng tỏ anh không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình, không có ý muốn hàn gắn tình cảm với chị U. Xác minh tại địa phương cũng thể hiện hai người vì mâu thuẫn nên không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau nhưng hai người không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ này cũng không đạt được mục đích hôn nhân.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm đủ cơ sở kết luận: Hôn nhân giữa chị U và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị U yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung:

Chị Trần Thị Thảo U và anh Hồ Minh T có 01 con chung là Hồ Thảo

Ngọc T1, sinh ngày 05/9/2024. Khi ly hôn, chị U nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1. Xét thấy cháu T1 hiện đang do chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu T1 là con gái và còn nhỏ, ở với mẹ là phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của cháu, anh T quá trình từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết đến khi xét xử đều biết và không có ý kiến trình bày, Tòa án cũng đã liên lạc với anh nhưng anh không hợp tác. Do đó, xét nguyện vọng của của chị U, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy: Tiếp tục giao cho chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 là phù hợp.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

[2.3.1] Về mức cấp dưỡng nuôi con:

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị U yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T1 là 2.000.000 đồng/ tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 9/2024 đến khi cháu T1 trưởng thành. Xét thấy: Hiện cháu T1 đang do chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không trực tiếp nuôi con nên việc cấp dưỡng cho con là phù hợp nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Do đó, yêu cầu của chị U là có căn cứ để xem xét. Anh T2 hiện là viên chức công tác tại Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ S - Sông T, theo Bảng lương 03 tháng gần nhất do đơn vị nơi anh công tác cung cấp cho Tòa án thì mức lương hàng tháng của anh là **5.943.600 đồng**.

Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định: “*Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con.*”. Theo quy định tại Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính Phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì nơi anh T2 hiện đang cư trú thuộc vùng IV và có mức lương tối thiểu vùng theo tháng là **3.450.000 đồng**. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho cháu T1 và vẫn đảm bảo chi phí sinh hoạt cho anh T2, buộc anh T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng là **1.725.000 đồng** (cách tính: 3.450.000 đồng : 2 = 1.725.000 đồng) là phù hợp.

[2.3.2] Về phương thức cấp dưỡng và thời điểm phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

Khoản 3, khoản 4 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định:

“*3. Trường hợp các bên không thỏa thuận được phương thức cấp dưỡng thì Tòa án quyết định phương thức cấp dưỡng hàng tháng hoặc phương thức khác phù hợp với nhu cầu, lợi ích của con và điều kiện kinh tế của người cấp dưỡng.*”

4. Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình phát sinh kể từ thời điểm cha, mẹ không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.”

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Cháu T1 – con chung của chị U và anh T2 sinh ngày 05/9/2024, anh chị không sống chung từ khi chị U mang thai đến nay. Do đó, buộc anh T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu T1, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2024 đến khi cháu T1 thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung, số nợ chung:

Không đương sự nào yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn là chị Trần Thị Thảo U phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Hồ Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Chị Trần Thị Thảo U và anh Hồ Minh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thảo U.

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thảo U, sinh ngày 15/3/1991 và anh Hồ Minh T, sinh ngày 10/11/1995.

1.2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là cháu Hồ Thảo Ngọc T1, sinh ngày 05/9/2024 cho chị Trần Thị Thảo U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Buộc anh Hồ Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Hồ Thảo Ngọc T1, sinh ngày 05/9/2024 mỗi tháng là **1.725.000 đồng** (*Một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2024 đến khi cháu Hồ Thảo Ngọc T1 thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung:

Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị Thảo U phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0005533 ngày 20/02/2025. Chị Trần Thị Thảo U đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Hồ Minh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn – Chị Trần Thị Thảo U có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/9/2025). Bị đơn – Anh Hồ Minh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND KV7 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Ninh Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thùy Dung